**Thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu diễn biến và dự báo xu thế biến động các địa hệ khu vực ven biển từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy từ Holocen đến nay”, Mã số: KC.09.02/16-20**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số: *Nghiên cứu diễn biến và dự báo xu thế biến động các địa hệ khu vực ven biển từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy từ Holocen đến nay”*

2. Mã số: KC.09.02/16-20.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS.TS Trần Nghi

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

5. Tổng kinh phí thực hiện: 8.500 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 8.500 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: Không

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 11 năm 2016

Kết thúc: tháng 10 năm 2019

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Trần Nghi | GS.TS. | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên |
| 2 | Đinh Xuân Thành | PGS.TS. | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên |
| 3 | Trần Đức Thạnh | GS.TS. | Viện Tài nguyên và Môi trường biển |
| 4 | Doãn Đình Lâm | PGS.TS. | Viện Địa chất |
| 5 | Bùi Xuân Thông | PGS.TS. | Viện Hải văn và Môi trường |
| 6 | Cao Đình Triều | PGS.TS. | Hội Trầm tích Việt Nam |
| 7 | Nguyễn Khanh Vân | GS.TS. | Viện Địa lý |
| 8 | Vũ Quang Lân | TS. | Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc |
| 9 | Nguyễn Đình Thái | TS. | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên |
| 10 | Trần Thị Thanh Nhàn | TS. | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên |

**II. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

1Thời gian dự kiến: Tháng 12 năm 2019.

2 Địa điểm: tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

**III. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

**1. Về sản phẩm khoa học:**

*Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm (đăng ký)** | **Đánh giá** *(Xuất sắc/Đạt/Không đạt)* | | |
| *Số lượng* | *Khối lượng* | *Chất lượng* |
| 1 | **Bộ bản đồ chuyên đề về địa chất trầm tích, địa hình – địa mạo, biến động đường bờ biển, tài nguyên, môi trường tỷ lệ 1:100.000 toàn vùng và 1:25.000 cho vùng trọng điểm** | *13* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.1 | Bản đồ địa chất trầm tích khu vực ven biển từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy tỷ lệ 1:100.000 | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.2 | Bản đồ địa chất trầm tích vùng trọng điểm cửa Ba Lạt và cửa Đáy tỷ lệ 1:25.000 | *02* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.3 | Bản đồ địa hình – địa mạo khu vực ven biển từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy tỷ lệ 1:100.000 | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.4 | Bản đồ địa hình – địa mạo vùng trọng điểm cửa Ba Lạt và cửa Đáy tỷ lệ 1:25.000 | *02* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.5 | Bản đồ biến động đường bờ từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy tỷ lệ 1:100.000 | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.6 | Bản đồ biến động đường bờ khu vực cửa Ba Lạt, cửa Đáy và Hải Hậu tỷ lệ 1:25.000 | *03* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.7 | Bản đồ tài nguyên và môi trường khu vực ven biển từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy tỷ lệ 1:100.000 | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 1.8 | Bản đồ đồ tài nguyên và môi trường khu vực cửa Ba Lạt, cửa Đáy tỷ lệ 1:25.000 | *02* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 2 | **Các mặt cắt địa chất Holocen, cột địa tầng và đường cong thay đổi mực nước biển trong Holocen** | *06* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 2.1 | - Mặt cắt địa chất Holocen | *02* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 2.2 | - Cột địa tầng lỗ khoan | *03* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 2.3 | - Đường cong thay đổi mực nước biển trong Holocen | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 4 | **Các giải pháp quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường** | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 5 | **Cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu của đề tài** | *01* | *Đạt* | *Xuất sắc* |
| 6 | **Công bố:**  - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI;  - 04 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc gia;  - 01 sách chuyên khảo. | *02 (đã nộp)*  *04*  *02* | *Đạt*  *Đạt*  *Xuất sắc* | *Xuất sắc* |
| 7 | **Đào tạo:**  - 03 thạc sĩ;  - 01 nghiên cứu sinh. | *01/3*  *03/1* | *Đạt*  *Xuất sắc* | *Xuất sắc* |

**2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:**

a) Những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Đã đề xuất ý tưởng và một khái niệm mới về địa hệ trên cơ sở tích hợp giữa địa chất trầm tích và hệ sinh thái khu vực đới bờ trong mối quan hệ với 2 pha thay đổi mực nước biển trong Holocen.

- Có ý tưởng khai thông sông Sò, nguyên là lòng Sông Hồng cổ trước năm 1787 đổ về cửa Hà Lạn, nhằm ngăn chặn xói lở bờ biển ở khu vực Hải Hậu.

b) Giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Giá trị khoa học:

1) Đã áp dụng mô hình “địa tầng phân tập của Trần Nghi (2014) để làm sáng tỏ quy luật tiến hóa trầm tích trong Holocen theo 2 miền hệ thống: miền hệ thống trầm tích biển tiến (TST); Miền hệ thống trầm tích biển cao (HST).

2) Đã xây dựng khái niệm mới về “Địa hệ” dựa trên nền địa chất trầm tích (tướng trầm tích) và các hệ sinh thái đi cùng.

- Giá trị thực tiễn:

1) Đã phân chia được 2 nhóm địa hệ trong Holocen trên cơ sở nhóm tướng biển tiến và nhóm tướng biển thoái và các địa hệ liên quan đến các tướng trầm tích;

2) Đã chứng minh được nguyên nhân xói lở bờ biển Hải Hậu là do đắp chặn sông Sò năm 1960.

3) Kết quả nghiên cứu của đề tài là luận cứ khoa học cho việc xây dựng các giải pháp, cơ chế quản lý đối với vùng biển châu thổ sông Hồng nói chung và vùng nghiên cứu nói riêng.

4) Kết quả nghiên cứu của đề tài được sử dụng để viết 02 sách chuyên khảo.

**3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:**

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Kết quả nghiên cứu của đề tài đã phát hiện được các hạn chế của quy hoạch và khai thác tài nguyên chưa hợp lý khu vực ven biển châu thổ Sông Hồng. Ví dụ: quai đê lấn biển quá sớm ngăn chặn phù sa bổ cập cho các vùng đất thấp, ngập nước bị phèn hóa, chua mặn; các đầm nuôi tôm bị bỏ hoang do nhiễm phèn; các rừng ngập mặn bị thoái hóa. Đề tài đã chứng minh được các nguyên nhân nói trên và đề xuất các giải pháp khắc phục, giảm thiểu.

- Kết quả nghiên của đề tài về quy luật biến động địa hệ đới bờ Thái Bình – Ninh Bình trong Holocen cũng như dự báo xu thế biến động là những luận cứ khoa học cho các chủ trương chính sách, cơ chế quản lý cụ thể của Đảng và Nhà nước đối với vùng ven biển châu thổ sông Hồng theo hướng phát triển bền vững.

- Những định hướng những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đới bờ châu thổ sông Hồng được đề xuất trên cơ sở những kết quả nghiên cứu của đề tài. Vì vậy, việc lựa chọn hướng phát triển cũng như các giải pháp cần thiết phải tham khảo, sử dụng những kết quả đó nhằm đảm bảo cho việc phát triển bền vững và bảo vệ môi trường vùng nghiên cứu của đề tài.

- Những kết quả nghiên cứu của đề tài là những cơ sở khoa học phục vụ cho các cơ quan ở Trung ương và địa phương trong việc hoạch định các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội tầm vĩ mô và vi mô tại vùng ven biển Thái Bình-Ninh Bình.

3.2. Hiệu quả xã hội

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài được đúc kết thành những giải pháp, khuyến cáo tuyên truyền giáo dục góp phần nâng cao nhận thức và năng lực quản lý tài nguyên và môi trường cho các nhà quản lý và cộng đồng dân cư ở khu vực ven biển châu thổ Sông Hồng.

**IV. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | **x**  ***√*** |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

***√***

*- Xuất sắc*

*- Đạt*

*- Không đạt*